

## CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (HỌC KỲ I)

**Học viên đọc kỹ đề bài và khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1:** Pháp luật là:

- A. Hệ thống các văn bản và nghị định do các cấp ban hành và thực hiện .
- B. Những luật và điều luật cụ thể trong thực tế đời sống.
- C. Hệ thống các quy tắc xử chung do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.
- D. Hệ thống các quy tắc xử được hình thành theo điều kiện cụ thể của từng địa phương.

**Câu 2:** Pháp luật có đặc điểm là:

- A. Bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội.
- B. Vì sự phát triển của xã hội.
- C. Pháp luật có tính quy phạm phổ biến ; mang tính quyền lực, bắt buộc chung; có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- D. Mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội.

**Câu 3:** Điền vào chỗ trống: Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành ..... mà nhà nước là đại diện.

- A. phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền
- B. phù hợp với ý chí nguyện vọng của nhân dân
- C. phù hợp với các quy phạm đạo đức
- D. phù hợp với mọi tầng lớp nhân dân

**Câu 4:** Bản chất xã hội của pháp luật thể hiện ở:

- A. Pháp luật được ban hành vì sự phát triển của xã hội.
- B. Pháp luật phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp trong xã hội.
- C. Pháp luật bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động.
- D. Pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

**Câu 5:** Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tánh mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Vi phạm pháp luật hành chính.
- B. Vi phạm pháp luật hình sự.

C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.

D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 6:** Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

A. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.

B. Quy định các hành vi không được làm.

C. Quy định các bổn phận của công dân.

D. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm)

**Câu 7:** Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ở điều 34 khẳng định chung “cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con”. Điều này phù hợp với:

A. Quy tắc xử sự trong đời sống xã hội.

B. Chuẩn mực đời sống tình cảm, tinh thần của con người.

C. Nguyên vọng của mọi công dân.

D. Hiến pháp.

**Câu 8:** Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện quyền (những việc được làm) là

A. Sử dụng pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 9:** Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là:

A. Sử dụng pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 10:** Các tổ chức cá nhân không làm những việc bị cấm là

A. Sử dụng pháp luật.

B. Thi hành pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật.

D. Áp dụng pháp luật.

**Câu 11:** Người phải chịu trách nhiệm hành chính do mọi vi phạm hành chính mà mình gây ra theo quy định của pháp luật có độ tuổi là:

A. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

- B. Từ 18 tuổi trở lên.
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 14 tuổi trở lên.

**Câu 12:** Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới .....

- A. Các quy tắc quản lý nhà nước.
- B. Các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.
- C. Các quan hệ lao động, công vụ nhà nước.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 13:** Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là:

- A. Từ đủ 14 tuổi trở lên.
- B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- C. Từ 18 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

**Câu 14:** Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là:

- A. Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.
- B. Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỷ luật.
- C. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- D. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

**Câu 15:** Công dân bình đẳng trước pháp luật là:

- A. Công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.
- B. Công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.
- C. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.
- D. Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

**Câu 16:** Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật thể hiện qua việc:

- A. Quy định quyền và nghĩa vụ công dân trong Hiến pháp và Luật.
- B. Tạo ra các điều kiện bảo đảm cho công dân thực hiện quyền bình đẳng trước pháp luật.
- C. Không ngừng đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 17:** Biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân là:

- A. Người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong gia đình.
- B. Công việc của người vợ là nội trợ gia đình và chăm sóc con cái, quyết định các khoản chi tiêu hàng ngày của gia đình.
- C. Vợ, chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trong việc quyết định các công việc của gia đình.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 18:** Biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân là:

- A. Chỉ có người vợ mới có nghĩa vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và giáo dục con cái.
- B. Chỉ có người chồng mới có quyền lựa chọn nơi cư trú, quyết định số con và thời gian sinh con.
- C. Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 19:** Bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình được hiểu là:

- A. Các thành viên trong gia đình đối xử công bằng, dân chủ, tôn trọng lẫn nhau.
- B. Tập thể gia đình quan tâm đến lợi ích của từng cá nhân, từng cá nhân phải quan tâm đến lợi ích chung của gia đình.
- C. Các thành viên trong gia đình có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chăm lo đời sống chung của gia đình.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 20:** Quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong lao động thể hiện:

- A. Nam và nữ bình đẳng về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động.

B. Người sử dụng lao động ưu tiên nhận nữ vào làm việc khi cả nam và nữ đều có đủ tiêu chuẩn làm công việc mà doanh nghiệp đang cần.

C. Lao động nữ được hưởng chế độ thai sản, hết thời gian nghỉ thai sản, khi trở lại làm việc, lao động nữ vẫn được bảo đảm chỗ làm việc.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 21:** Chủ thể của hợp đồng lao động là:

A. Người lao động và đại diện người lao động.

B. Người lao động và người sử dụng lao động.

C. Đại diện người lao động và người sử dụng lao động.

D. Tất cả phương án trên.

**Câu 22:** Vợ, chồng có quyền ngang nhau đối với tài sản chung là:

A. Những tài sản hai người có được sau khi kết hôn.

B. Những tài sản có trong gia đình.

C. Những tài sản hai người có được sau khi kết hôn và tài sản riêng của vợ hoặc chồng.

D. Tất cả phương án trên.

**Câu 23:** Ý nghĩa của bình đẳng trong hôn nhân:

A. Tạo cơ sở củng cố tình yêu, cho sự bền vững của gia đình.

B. Phát huy truyền thống dân tộc về tình nghĩa vợ, chồng.

C. Khắc phục tàn dư phong kiến, tư tưởng lạc hậu “Trọng nam, khinh nữ”.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 24:** Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là:

A. Bất cứ ai cũng có thể tham gia vào quá trình kinh doanh.

B. Bất cứ ai cũng có quyền mua – bán hàng hóa.

C. Mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế đều bình đẳng theo quy định của pháp luật.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 25:** Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động là:

A. Bình đẳng trong việc thực hiện quyền lao động .

B. Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

C. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 26:** Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là:

- A. Công dân có quyền không theo bất kỳ một tôn giáo nào.
- B. Người đã theo một tín ngưỡng, tôn giáo không có quyền bỏ để theo một tín ngưỡng, tôn giáo khác.
- C. Người theo tín ngưỡng, tôn giáo có quyền hoạt động theo tín ngưỡng, tôn giáo đó.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 27:** Quyền bất khả xâm phạm về thân thể có nghĩa là:

- A. Trong mọi trường hợp, không ai có thể bị bắt.
- B. Công an có thể bắt người nếu nghi là phạm tội.
- C. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- D. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có quyết định của tòa án.

**Câu 28:** Các quyền tự do cơ bản của công dân là các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp và luật, quy định mối quan hệ giữa:

- A. Công dân với công dân.
- B. Nhà nước với công dân.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.

**Câu 29:** Bắt người trong trường hợp khẩn cấp được tiến hành:

- A. Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- B. Khi có người chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần bắt ngay để người đó không trốn.
- C. Khi thấy ở người hoặc tại chỗ ở của một người nào đó có dấu vết của tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 30:** Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là:

- A. Nhằm ngăn chặn hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với quy định của pháp luật.
- B. Nhằm bảo vệ sức khỏe cho công dân.

C. Nhằm ngăn chặn hành vi bạo lực giữa công dân với nhau.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 31:** Bất kỳ ai cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc UBND nơi gần nhất những người thuộc đối tượng:

A. Đang thực hiện tội phạm.

B. Sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt.

C. Đang bị truy nã.

D. Tất cả các đối tượng trên.

**Câu 32:** Người nào bịa đặt những điều nhằm xúc phạm đến danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác thì bị:

A. Phạt cảnh cáo.

B. Cải tạo không giam giữ đến hai năm.

C. Phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

D. Tùy theo hậu quả mà áp dụng một trong các trường hợp trên.

**Câu 33:** Đánh dấu X vào các cột tương ứng với các hành vi vi phạm pháp luật dưới đây:

STT	Hành vi	Vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân	Vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe	Vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm
1	Đặt điều nói xấu, vu cáo người khác.			
2	Đánh người gây thương tích.			
3	Công an bắt giam người vì nghi là lấy trộm xe máy			
4	Đi xe máy gây tai nạn cho người			

	khác.			
5	Giam giữ người quá thời gian qui định.			
6	Xúc phạm người khác trước mặt nhiều người.			

**Câu 34:** Quyền bắt khả xâm phạm về thân thể có nghĩa là:

- A. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- B. Việc bắt người phải theo quy định của pháp luật.
- C. Người đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì ai cũng có quyền bắt.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 35:** Quyền bình đẳng của công dân được hiểu là:

- A. Mọi người đều có quyền bằng nhau, ngang nhau trong mọi trường hợp.
- B. Trong cùng điều kiện và hoàn cảnh như nhau, công dân được đối xử như nhau, có quyền và nghĩa vụ như nhau theo quy định của pháp luật.
- C. Mọi người đều có quyền hưởng thụ vật chất như nhau.
- D. Mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ như nhau.

### **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (HOC KỲ II)**

**Câu 1:** Quyền bắt khả xâm phạm về chỗ ở có nghĩa là:

- A. Trong mọi trường hợp, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.
- B. Công an có quyền khám chỗ ở của một người khi có dấu hiệu nghi vấn ở nơi đó có phương tiện, công cụ thực hiện tội phạm.
- C. Chỉ được khám xét chỗ ở của một người khi được pháp luật cho phép và phải có lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 2:** Hiến pháp nước ta quy định người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân có độ tuổi là:

- A. Đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và ứng cử.



- B. Đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử.
- C. Nam đủ 20 tuổi trở lên và nữ đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và ứng cử.
- D. Đủ 20 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử và bầu cử.

**Câu 3:** Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện tốt quyền bầu cử và ứng cử cũng chính là:

- A. Bảo đảm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- B. Bảo đảm thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm, danh dự của công dân.
- C. Bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế.
- D. Bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân.

**Câu 4:** Quyền bầu cử và quyền ứng cử là cơ sở pháp lý – chính trị quan trọng để:

- A. Thực hiện cơ chế “ Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.
- B. Nhân dân thực hiện hình thức dân chủ trực tiếp.
- C. Đại biểu của nhân dân chịu sự giám sát của cử tri.
- D. Hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

**Câu 5:** Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội là quyền của công dân tham gia:

- A. Thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- B. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng bộ máy nhà nước.
- C. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 6:** Điền vào chỗ trống

Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân là các quyền gắn liền với việc thực hiện .....

- A. Quy chế hoạt động của chính quyền cơ sở.
- B. Trật tự, an toàn xã hội.
- C. Hình thức dân chủ gián tiếp ở nước ta.
- D. Hình thức dân chủ trực tiếp ở nước ta.

**Câu 7:** Ở phạm vi cả nước, nhân dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội chủ yếu bằng cách:

A. Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, liên quan đến quyền và lợi ích cơ bản của mọi công dân.

B. Đóng góp ý kiến, phản ánh kịp thời với Nhà nước về những vướng mắc, bất cập, không phù hợp của chính sách, pháp luật để Nhà nước sửa đổi, hoàn thiện.

C. Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 8:** Ở Phạm vi cơ sở, dân chủ trực tiếp được thực hiện theo cơ chế:

A. Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp.

B. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

C. Trực tiếp, thẳng thắn, thực tế.

D. Tất cả phương án trên.

**Câu 9:** Hãy nối các ý của cột 1 với các ý của cột 2 sao cho phù hợp và điền kết quả vào cột 3

Theo pháp lệnh dân chủ cơ sở, các công việc của xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã) được chia làm 4 loại:

CÔNG VIỆC (Cột 1)	NỘI DUNG (Cột 2)	KẾT NỐI (Cột 3)
1/ Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện	a) Hoạt động của chính quyền xã, hoạt động và phẩm chất đạo đức của cán bộ chủ chốt ở xã; dự toán và quyết toán ngân sách xã, thu chi các loại quỹ, lệ phí; việc giải; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương; kết quả thanh tra, kiểm tra các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ xã ...	1 + ...
2/ Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp	b) Dự thảo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã ; quy hoạch, kế hoạch sử đất ở địa phương ; các đề án định canh,	2+ ...

	định cư, giải phóng mặt bằng, tái định cư, đầu tư cơ sở hạ tầng do xã quản lý.	
3/ Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.	c) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng hoặc cơ sở hạ tầng ; xây dựng hương ước, quy ước ...	3 + ...
4/ Những việc nhân dân ở xã giám sát, kiểm tra	d) Chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước ...	4 + ...

**Câu 10:** Hãy nối các ý của cột 1 với các ý của cột 2 sao cho phù hợp và điền kết quả vào cột

1/ Trong xã hội phong kiến ở nước ta trước đây	a/ Mọi công dân có quyền được phát triển, không phân biệt giai cấp, thành phần gia đình, địa vị xã hội, dân tộc, giới tính.	1 + ...
2/ Những ưu đãi mà Nhà nước ta dành cho những học sinh, sinh viên giỏi.	b/ Quyền được phát triển có sự phân biệt sâu sắc về giai cấp, thành phần gia đình, địa vị xã hội, dân tộc.	2 + ...
3/ Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân.	c/ Xuất phát từ chủ trương bồi dưỡng nhân tài, coi “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”.	3 + ...
4/ Trong chế độ XHCN hiện nay ở nước ta	d/ Là cơ sở cần thiết để công dân phát triển toàn diện trong thời đại Công nghiệp hòa - Hiện đại hóa đất nước.	4 + ...
5/ Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển.	e/ Góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí của đất nước, làm cho dân tộc ngày càng rạng danh.	5 + ...

**Câu 11:** Quyền được phát triển của công dân có nghĩa là:

- A. Mọi công dân đều có đời sống vật chất đầy đủ.
- B. Mọi công dân đều có quyền được hưởng sự chăm sóc y tế.
- C. Mọi công dân đều được hưởng sự ưu đãi trong học tập để phát triển năng khiếu.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 12:** Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân là:

- A. Rất cần thiết để công dân phát triển toàn diện.
- B. Góp phần cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- C. Góp phần xây dựng đất nước trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 13:** Người có quyền tố cáo là:

- A. Cá nhân, tổ chức.
- B. Công dân, cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân.
- C. Chỉ có công dân.
- D. Chỉ có những người cùng cơ quan, đơn vị.

**Câu 14:** Mục đích của khiếu nại là:

- A. Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.
- B. Báo cáo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.
- C. Phát hiện, ngăn chặn các việc làm trái pháp luật.
- D. Khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại đã bị xâm phạm.

**Câu 15:** Người giải quyết khiếu nại là:

- A. Người đứng đầu cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại.
- B. Người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại.
- C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng Thanh tra Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 16:** Nếu hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm hình sự thì người giải quyết tố cáo là:

- A. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo.
- B. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức có người bị tố cáo.

C. Cơ quan tố tụng (điều tra, kiểm sát, tòa án).

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 17:** Quyền sáng tạo của công dân được pháp luật quy định là:

A. Quyền sở hữu công nghiệp.

B. Quyền được tự do thông tin.

C. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 18:** Nội dung cơ bản của quyền học tập của công dân là:

A. Mọi công dân đều được ưu tiên trong tuyển chọn vào các trường đại học, cao đẳng như nhau.

B. Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập.

C. Mọi công dân đều phải đóng học phí.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 19:** Vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường là:

A. Ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu của con người trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên, thiên nhiên.

B. Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

C. Điều hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 20:** Câu có nội dung đúng về bảo vệ môi trường là:

A. Ở những nơi nhiều ao, hồ, sông, suối không cần tiết kiệm nước.

B. Cải tạo hồ nước ngọt thành hồ nước lợ nuôi tôm có giá trị kinh tế nhưng có hại cho môi trường.

C. Lấp vùng đầm lầy rộng lớn để xây dựng khu dân cư mới là làm cho môi trường sạch, đẹp.

D. Dùng nhiều phân hóa học sẽ tốt cho đất.

**Câu 21:** Quyền tự do kinh doanh của công dân có nghĩa là:

A. Mọi công dân đều có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh.

- B. Công dân có quyền quyết định quy mô và hình thức kinh doanh.
- C. Công dân có thể kinh doanh bất kỳ ngành, nghề nào theo sở thích của mình.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 22:** Luật nghĩa vụ quân sự quy định độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình là:

- A. Từ 18 đến 27 tuổi.
- B. Từ 17 tuổi đến 27 tuổi.
- C. Từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.
- D. Từ đủ 17 tuổi đến hết 25 tuổi.

**Câu 23:** Vai trò của Nhà nước đối với vấn đề phát triển văn hóa là:

- A. Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể.
- B. Khuyến khích tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động văn hóa.
- C. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, làm giàu kho tàng văn hóa Việt Nam.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 24:** Pháp luật bảo vệ môi trường quy định:

- A. Bảo vệ môi trường phải gắn hài hòa với phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước.
- B. Bảo vệ môi trường phải phù hợp quy luật, đặc điểm lịch sử, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội.
- C. Bảo vệ môi trường là việc làm thường xuyên, ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 25:** Sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật sau đây theo các lĩnh vực khác nhau:

ST T	Lĩnh vực Tên văn bản	Pháp luật về Kinh doanh	Pháp luật về Văn hóa	Pháp luật về xã hội
1	Hiến pháp			
2	Luật giáo dục			
3	Luật di sản văn hóa			
4	Pháp lệnh dân số			

5	Luật doanh nghiệp			
6	Bộ luật lao động			
7	Luật đầu tư			
8	Luật phòng, chống ma túy			
9	Pháp lệnh phòng, chống mại dâm			
10	Luật thuế thu nhập cá nhân			

**Câu 26:** Vai trò của pháp luật đối với hòa bình và sự phát triển tiên bộ của nhân loại là:

- A. Là cơ sở thực hiện hợp tác kinh tế, thương mại giữa các nước.
- B. Là phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các quốc gia.
- C. Là cơ sở để bảo vệ quyền con người trên phạm vi toàn thế giới.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 27:** Văn bản pháp luật quốc tế có nội dung bao gồm các quy định về mục đích thành lập, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, cơ cấu tổ chức của một tổ chức quốc tế được gọi là:

- A. Hiến chương.
- B. Hiệp định.
- C. Hiệp ước.
- D. Nghị định thư.

**Câu 28:** Văn bản pháp luật quốc tế thường do các quốc gia ký kết với nhau, trong đó có các điều khoản quy định về quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên được gọi là:

- A. Hiến chương.
- B. Hiệp định.
- C. Hiệp ước.
- D. Công ước.

**Câu 29:** Văn bản pháp luật quốc tế, được ký kết giữa các quốc gia với nhau, hoặc giữa quốc gia với tổ chức quốc tế, nội dung đa số thường liên quan đến lĩnh vực bảo vệ quyền con người được gọi là:

- A. Hiến chương.
- B. Hiệp định.

- C. Hiệp ước.
- D. Công ước.

**Câu 30:** Văn bản bổ sung cho điều ước quốc tế trước đó được gọi là:

- A. Hiến chương.
- B. Hiệp định.
- C. Hiệp ước.
- D. Nghị định thư.

**Câu 31:** Điều ước quốc tế là công cụ hữu hiệu nhất trong quan hệ hợp tác và phát triển giữa các quốc gia là vì:

- A. Nội dung của điều ước quốc tế là các quy định về quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên, là cơ sở pháp lý để thực hiện hợp tác quốc tế.
- B. Nội dung của điều ước quốc tế xác định rõ mục tiêu hợp tác của các quốc gia trong mỗi lĩnh vực.
- C. Thực hiện rõ mục tiêu hợp tác vì sự phồn thịnh và phát triển của mỗi quốc gia và vì cả Cộng đồng quốc tế.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 32:** Điền vào chỗ trống:

Thông qua việc ký kết các điều ước quốc tế với các nước ASEAN về hợp tác đầu tư, dịch vụ, công nghiệp và giao thông Nhà nước ta mong muốn tăng cường quan hệ hợp tác ..... vì lợi ích riêng của mỗi nước và vì lợi ích chung của toàn thế giới.

- A. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người.
- B. Xây dựng những đường biên giới hòa bình
- C. Kinh tế - thương mại.
- D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 33:** Việt Nam đã và đang tích cực góp phần vào việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người thể hiện qua các việc:

- A. Ký kết nhiều điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người.
- B. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền con người.
- C. Tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương để bảo vệ quyền con người.



D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 34:** Sắp xếp các điều ước quốc tế dưới đây theo các cột tương ứng:

STT	Tên điều ước quốc tế	Điều ước quốc tế về quyền con người	Điều ước quốc tế về hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia	Điều ước quốc tế về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế
1	Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em			
2	Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển			
3	Nghị định thư Ki-ô-tô về môi trường			
4	Hiệp ước về biên giới trên bộ giữa Việt Nam với các nước láng giềng			
5	Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư			
6	Hiệp định Thương mại Việt Nam – Nhật Bản			
7	Hiệp định về giáo dục và đào tạo giữa Việt Nam và Australia			
8	Công ước về chống phân biệt đối xử với phụ nữ			